CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	**1 - 2**
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	**3 - 4**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	**5 - 6**
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	**7**
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	**8**
Thuyết minh báo cáo tài chính	**9 - 24**

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sao Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lưu Hoàng Tân	Chủ tịch	10 tháng 04 năm 2015	
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Chủ tịch	10 tháng 04 năm 2015	
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên	10 tháng 04 năm 2015	
Bà Đặng Thị Ngọc Hiền	Thành viên	10 tháng 04 năm 2015	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Hữu Chí	Thành viên	05 tháng 03 năm 2012	
Ông Nguyễn Dương Thảo	Thành viên	01 tháng 11 năm 2016	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Công	Tổng Giám đốc	01 tháng 12 năm 2017	
Ông Lê Minh Thuận	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 10 năm 2017	
Ông Nguyễn Phước Thạnh	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 12 năm 2017	

Ghi chú: Công ty đang tiến hành cơ cấu lại thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động đặt tại số 163 Nguyễn Huệ, Khóm Mỹ Thượng, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

3. Các hoạt động chính

- May trang phục, may công nghiệp;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm: Giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng gia đình bằng kim loại;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất dệt vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng đan móc;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Mua bán phụ liệu ngành dệt;
- Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế ngành dệt may;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 24.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

6. Đơn vị kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

7. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Cao Lãnh, ngày 27 tháng 02 năm 2023
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH CÔNG

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited
386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel : (84-028) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax : (84-028) 3526 1359 * Email : svc-hcm@vnn.vn

Số: 004/2022/BCKT/SVCN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG,
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sao Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) được lập ngày 16 tháng 01 năm 2023 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13, sổ kế toán của Công ty vẫn còn theo dõi khoản nợ phải trả đã được chấp nhận xoá nợ từ các năm trước của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp (trước đây là Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp) với số tiền 10.000.000.000 VND. Nếu Công ty tiến hành xử lý khoản nợ này thì chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 giảm đi số tiền là 10.000.000.000 VND và chỉ tiêu "Thu nhập khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tăng lên với số tiền tương ứng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty vẫn chưa thực hiện xử lý khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền là 564.447.976 VND. Công ty đang tiếp tục chờ Cục thi hành án đấu giá bán xong số lượng 13.200 chiếc áo sơ mi đã kê biên và thu được tiền thì sẽ xử lý khoản nợ phải thu khó đòi nêu trên (Xem thuyết minh V.02).

Ý kiến kiểm toán của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của của Công ty Cổ phần Sao Mai tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2023

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
LÊ NHẬT LINH	**LÊ NGỌC KHANH**
Giấy CN ĐKHN kiểm toán	Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 3234-2021-107-1	Số: 1804-2023-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**24.577.670.975**	**20.227.365.416**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	V.01	**14.582.444.747**	**9.982.187.933**
1.	Tiền	111		5.933.807.717	3.588.905.419
2.	Các khoản tương đương tiền	112		8.648.637.030	6.393.282.514
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**4.733.119.495**	**4.871.019.183**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	4.034.767.739	4.199.950.093
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40.000.000	100.000.000
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	658.351.756	571.069.090
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**5.197.133.640**	**5.204.516.517**
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	5.197.133.640	5.204.516.517
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**64.973.093**	**169.641.783**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	64.973.093	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	169.641.783
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**8.677.486.463**	**10.548.634.696**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**8.677.416.463**	**9.801.564.696**
	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	8.677.416.463	9.801.564.696
	Nguyên giá	*222*		*47.076.443.812*	*50.917.857.431*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(38.399.027.349)*	*(41.116.292.735)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		-	-
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**70.000**	**747.070.000**
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.07	70.000	747.070.000
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**33.255.157.438**	**30.776.000.112**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**19.684.028.455**	**19.271.193.772**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**19.684.028.455**	**19.271.193.772**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	292.865.608	553.748.130
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		216.291.077	6.426.138
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	436.033.078	274.885.737
4.	Phải trả người lao động	314	V.10	3.477.759.214	4.012.339.707
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.675.216.992	1.737.845.094
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	10.203.786.523	10.159.908.947
7.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	2.382.075.963	2.526.040.019
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		-	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**13.571.128.983**	**11.504.806.340**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**13.571.128.983**	**11.504.806.340**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	3.920.600.000	3.920.600.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*3.920.600.000*	*3.920.600.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14	3.240.853.558	3.240.853.558
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.14	1.580.917.392	1.596.917.392
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	4.828.758.033	2.746.435.390
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*2.746.435.390*	*2.547.136.186*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*2.082.322.643*	*199.299.204*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**33.255.157.438**	**30.776.000.112**

TP. Cao Lãnh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
LẠI THỊ MỸ LINH	LÊ VĂN LÂM	NGUYỄN THÀNH CÔNG

S.B.K.K.D: 1400101041 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI TP. CAO LÃNH - T. ĐỒNG THÁP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	VI.01	**68.480.364.849**	**50.771.142.127**
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**02**		**-**	**-**
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	VI.01	**68.480.364.849**	**50.771.142.127**
4.	**Giá vốn hàng bán**	**11**	VI.02	**57.092.778.572**	**43.261.531.349**
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**11.387.586.277**	**7.509.610.778**
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**21**	VI.03	**2.402.869.982**	**331.036.846**
7.	**Chi phí tài chính**	**22**	VI.04	**287.266.254**	**49.029.326**
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	**Chi phí bán hàng**	**25**	VI.05	**2.107.200.774**	**1.658.081.902**
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**26**	VI.06	**6.853.832.509**	**6.556.301.933**
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**4.542.156.722**	**(422.765.537)**
11.	**Thu nhập khác**	**31**	VI.07	**17.000.001**	**698.860.649**
12.	**Chi phí khác**	**32**	VI.08	**20.417.136**	**15.519.817**
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(3.417.135)**	**683.340.832**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**4.538.739.587**	**260.575.295**
15.	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**51**	VI.09	**934.631.344**	**61.276.091**
16.	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**52**		**-**	**-**
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**3.604.108.243**	**199.299.204**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	VI.10	**5.311**	**508**

TP. Cao Lãnh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
LẠI THỊ MỸ LINH	LÊ VĂN LÂM	NGUYỄN THÀNH CÔNG

S.Đ.K.K.D: 1400101047 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI TP. CAO LÃNH - T. ĐỒNG THÁP

Mẫu số **B 03 - DN**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***4.538.739.587***	***260.575.295***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.06	1.386.789.413	1.508.014.063
- Lãi, lỗ chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		83.681.189	17.427.326
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.03	1.350.080.181	(234.572.268)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***7.359.290.370***	***1.551.444.416***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		561.389.654	740.807.470
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.382.877	(452.608.150)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37.760.513	(1.330.228.085)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(64.973.093)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.09	(415.593.118)	(339.954.876)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.681.749.656)	(1.424.786.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	***20***		***5.803.507.547***	***(1.255.326.177)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	V.06	(262.641.180)	(251.006.006)
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		747.000.000	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		(1.600.891.481)	234.572.268
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT	***30***		***(1.116.532.661)***	***(16.433.738)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**4.686.974.886**	**(1.271.759.915)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	V.01	**9.982.187.933**	**11.270.004.885**
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi NT	61		(86.718.072)	(16.057.037)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	V.01	**14.582.444.747**	**9.982.187.933**

TP. Cao Lãnh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
LẠI THỊ MỸ LINH	LÊ VĂN LÂM	NGUYỄN THÀNH CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sao Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Liên hiệp may trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Tháp được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 04/GP/UB ngày 05 tháng 01 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 059372 ngày 11 tháng 01 năm 1993 do Trọng tài kinh tế Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã mười một (11) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung Giấy chứng chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng chứng nhận thay đổi lần 11 số 1400101043 vào ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc điều chỉnh thông tin địa chỉ trụ sở.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	3.920.600.000 VND
Mệnh giá cổ phần	10.000 VND
Tổng số cổ phần	392.060 cổ phần

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 163 Nguyễn Huệ, Khóm Mỹ Thượng, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Điện thoại : (84 - 277) 3 851 452
Fax : (84 - 277) 3 851 482
Mã số thuế : 1 4 0 0 1 0 1 0 4 3

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Mai - Xưởng may Sa Đéc	Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Xã Tân Phú Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Mai - Xưởng may Tháp Mười	Ấp 5, Xã Mỹ Đông, Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty hạch toán phụ thuộc.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- May trang phục, may công nghiệp;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm: Giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng gia đình bằng kim loại;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất dệt vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;

- Sản xuất hàng đan móc;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Mua bán phụ liệu ngành dệt;
- Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế ngành dệt may;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

5. Người lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoảng 557 người lao động đang làm việc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình: Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 12
Tài sản cố định khác	08 - 10

7. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồn giá mua cộng với các chi phí liện quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng phải được thực hiện căn cứ vào các khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của công ty tại đơn vị khác và vốn chử sở hữu thực hiện tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ tài chính của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào (đối với tài sản) và tỷ giá bán ra (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi:

	Ngoại tệ	*Tỷ giá mua*	*Tỷ giá bán*
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	USD	23.410 VND/USD	23.730VND/USD
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	EUR	24.719 VND/EUR	25.841 VND/EUR

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ khi đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thanh giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16. Các bên liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	235.113.566	94.234.739
Tiền gửi ngân hàng	5.698.694.151	3.494.670.680
Các khoản tương đương tiền (*)	8.648.637.030	6.393.282.514
Cộng	**14.582.444.747**	**9.982.187.933**

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Dệt Gia dụng Phong Phú	385.858.958	153.053.701
Công ty TNHH KWong Lung _ MEKO	1.118.255.758	2.001.497.911
Công ty Cổ phần SX và TM Việt Mỹ Đồng Nai	209.596.957	890.166.128
Jao GMT Co.,Ltd	471.472.718	-
Jao Project Co.,Ltd	1.263.549.132	561.439.851
Công ty TNHH MTV May mặc Minh Giao (*)	564.447.976	564.447.976
Các khách hàng khác	21.586.240	29.344.526
Cộng	**4.034.767.739**	**4.199.950.093**

(*) Khoản nợ khó đòi đã được Công ty lập hồ sơ khởi kiện. Căn cứ Bản án số 01/2022/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2022 và theo Quyết định số 93/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Cục trưởng Cục thi hành án dân sự. Yêu cầu Công ty TNHH MTV May mặc Minh Giao phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Sao Mai số tiền nợ nêu trên và lãi chậm thanh toán. Trường hợp Công ty TNHH MTV May mặc Minh Giao không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì Công ty Cổ phần Sao Mai được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản là 13.200 chiếc áo sơ mi để thanh toán nợ cho Công ty. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 26 tháng 12 năm 2022, Công ty thống nhất chưa thực hiện việc xử lý khoản nợ này mà tiếp tục chờ Cục thi hành án đấu giá bán xong số lượng 13.200 chiếc áo sơ mi đã kê biên và thu được tiền thì sẽ xử lý khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản chi phí khác liên quan.

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	269.519.599	251.296.389
Phải thu tạm ứng	351.332.157	275.600.701
Các đối tượng khác	37.500.000	44.172.000
Cộng	**658.351.756**	**571.069.090**

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	349.746.218	445.150.370
Công cụ, dụng cụ	22.471.530	16.956.897
Thành phẩm	4.824.915.892	4.742.409.250
Cộng	**5.197.133.640**	**5.204.516.517**

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí tiền thuê đất	-	877.115.782	(877.115.782)	-
Chi phí tiền thuê văn phòng	-	108.000.000	(108.000.000)	-
Công cụ, cụng cụ	-	172.784.402	(107.811.309)	64.973.093
Cộng	**-**	**1.157.900.184**	**(1.092.927.091)**	**64.973.093**

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.980.726.934	27.809.176.433	2.104.081.988	43.632.000	1.980.240.076	50.917.857.431
Tăng trong năm	-	262.641.180	-	-	-	262.641.180
Mua sắm mới	-	*262.641.180*	-	-	-	*262.641.180*
Giảm trong năm	-	(4.104.054.799)	-	-	-	(4.104.054.799)
Giảm khác	-	*(4.104.054.799)*	-	-	-	*(4.104.054.799)*
Số cuối năm	**18.980.726.934**	**23.967.762.814**	**2.104.081.988**	**43.632.000**	**1.980.240.076**	**47.076.443.812**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	4.624.846.709	18.080.428.982	1.771.354.715	43.632.000	918.679.674	25.438.942.080
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	12.974.881.841	24.613.246.166	2.015.354.699	43.632.000	1.469.178.029	41.116.292.735
Tăng trong năm	639.205.226	594.427.583	33.272.724	-	119.883.880	1.386.789.413
Khấu hao trong năm	*639.205.226*	*594.427.583*	*33.272.724*	-	*119.883.880*	*1.386.789.413*
Giảm trong năm	-	(4.104.054.799)	-	-	-	(4.104.054.799)
Giảm khác	-	*(4.104.054.799)*	-	-	-	*(4.104.054.799)*
Số cuối năm	**13.614.087.067**	**21.103.618.950**	**2.048.627.423**	**43.632.000**	**1.589.061.909**	**38.399.027.349**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.005.845.093	3.195.930.267	88.727.289	-	511.062.047	9.801.564.696
Số cuối năm	**5.366.639.867**	**2.864.143.864**	**55.454.565**	-	**391.178.167**	**8.677.416.463**

7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín	70.000	157.500	747.070.000	2.353.270.500
Cộng	**70.000**	**157.500**	**747.070.000**	**2.353.270.500**

Giá trị hợp lý của cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hữu Kim	56.427.446	93.698.000
Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ	163.042.373	104.803.204
Công ty TNHH Linh kiện Ngành may Song Anh Phát	38.707.760	-
Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam	1.088.640	62.075.200
Cơ sở Bao bì Tấn Lợi	-	144.711.200
Nhà cung cấp khác	33.599.389	148.460.526
Cộng	**292.865.608**	**553.748.130**

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	266.472.433	839.958.621	(1.037.738.266)	68.692.788
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(159.057.532)	934.631.344	(415.593.118)	359.980.694
Thuế thu nhập cá nhân	8.413.304	103.946.950	(105.000.658)	7.359.596
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	(10.584.251)	83.586.349	(73.002.098)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Thuế, phí khác	-	3.138.836	(3.138.836)	-
Cộng	**105.243.954**	**1.970.262.100**	**(1.639.472.976)**	**436.033.078**

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày trên chỉ tiêu" Thuế và các khoản phải thu Nhà nước" (Mã số 153).

+ ***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng tiêu thụ nội địa 10%
- Hàng thủ công mỹ nghệ 5%
- Hàng xuất khẩu 0%

+ ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem Thuyết minh IV.15.

Dự tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (Xem Thuyết minh VI.09).

+ ***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

10. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và lương theo sản phẩm còn phải thanh toán cho người lao động.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.614.960.876	1.737.845.094
Chi phí phải trả khác	60.256.116	-
Cộng	**2.675.216.992**	**1.737.845.094**

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	38.708.946
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp (trước đây là Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp) (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức phải trả	109.200.001	109.200.001
Nhận ký cược, ký quỹ	12.000.000	12.000.000
Các khoản phải trả khác	82.586.522	-
Cộng	**10.203.786.523**	**10.159.908.947**

(*) Đây là số tiền đã được chấp nhận giảm 50% từ khoản nợ phải trả cho Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp 20.000.000.000 VND theo Công văn số 592/UBND-PPLT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 18 tháng 12 năm 2008 trên cơ sở để xin giảm nợ cho Công ty Cổ phần Sao Mai của Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp tại Công văn số 684/TT-Cty ngày 23 tháng 9 năm 2008 và ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp tại Công văn số 1795/STC-TCDN ngày 23 tháng 10 năm 2008.

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	*Trích lập quỹ trong năm*	*Chi quỹ trong năm*	*Số cuối năm*
Quỹ khen thưởng	2.298.352.513	1.521.785.600	(1.533.274.656)	2.286.863.457
Quỹ phúc lợi	227.687.506	-	(132.475.000)	95.212.506
Cộng	**2.526.040.019**	**1.521.785.600**	**(1.665.749.656)**	**2.382.075.963**

14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	**3.920.600.000**	**3.240.853.558**	**1.596.917.392**	**2.746.435.390**	**11.504.806.340**
Lãi trong năm	-	-	-	3.604.108.243	3.604.108.243
Tạm trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(1.521.785.600)	(1.521.785.600)
Chi khác	-	-	(16.000.000)	-	(16.000.000)
Số dư cuối năm	**3.920.600.000**	**3.240.853.558**	**1.580.917.392**	**4.828.758.033**	**13.571.128.983**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Chi tiết vốn góp như sau:

Tên cổ đông	**Cổ phần**	**Tỷ lệ (%)**	**Giá trị (VND)**
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Đồng Tháp	350.000	89,27	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín	39.000	9,95	390.000.000
Công đoàn cơ sở Công ty Cổ phần Sao Mai	3.060	0,78	30.600.000
Cộng	**392.060**	**100,00**	**3.920.600.000**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	**Số đầu năm**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	392.060	392.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	392.060	392.060
- *Cổ phiếu phổ thông*	*392.060*	*392.060*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	392.060	392.060
- *Cổ phiếu phổ thông*	*392.060*	*392.060*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Tài sản nhận giữ hộ

Vật tư hàng hóa gia công

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu			
Vải sơmi + vải phối	Yard	734.428,39	558.757,89
Vải thun + thun lưới	Yard	-	31.715,42
Vải lót các loại	mét	1.369,00	2.645,90
Vải chính jk + phối áo gió	mét	10.467,00	20.843,70
Phụ liệu, Bao bì			
Chỉ 50000m	cuộn	5.824,00	4.472,00
Chỉ 5000m	cuộn	6.193,00	7.539,00
Dựng keo	Yard	111.261,00	91.010,44
Dựng nẹp áo	mét	-	35.209,00
Keo ép	chiếc	-	4.516,00
Dây luồn /dệt	mét	54.235,00	35.919,40
Dây luồn /dệt	sợi	11.945,00	10.805,00
Dây cúc	mét	-	81,60
Dây đệm vai	mét	-	28.492,00
Thun viền + vải viền	mét	1.881,00	100.872,50
Thun to bảng	mét	-	14.157,50
Dây kéo các loại	sợi	67.759,00	103.500,00
Dây gắn đầu dây kéo	chiếc	18.292,00	77.467,00
Cúc nhựa	chiếc	1.682.233,00	1.523.837,00
Cúc chận (sắt)	chiếc	22.509,00	48.399,00
Đệm khoen	chiếc	23.865,00	20.693,00
Khoen mắt cáo	bộ	32.880,00	21.775,00
Giấy lót áo (giấy lụa)	tờ	-	12.421,00
Gòn	kg	38,00	38,00
Gòn	mét	-	1.873,00
Đạn nhựa (râu mèo)	chiếc	289.550,00	265.100,00
Bao PP/phối/mini	chiếc	339.275,00	274.191,00
Bao PP Mua	chiếc	-	4.282,00
Băng keo	cuộn	1.052,00	1.056,00
Mực in	hộp	24,00	12,00
Nhãn dán X4	chiếc	-	30.000,00
Bìa lưng	chiếc	139.195,00	48.859,00
Giấy chống ẩm	tờ	143.255,00	109.848,00
Nhãn các loại (giấy + vải)	chiếc	1.597.366,00	995.149,00
Thẻ bài	chiếc	-	46.027,00
Thuốc chống ẩm	túi	15.779,00	-
Bướm cổ/ khoanh cổ	chiếc	137.999,00	190.564,00

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Kim cúc	chiếc	867.179,00	790.624,00
Palem	chiếc	511.534,00	281.589,00
Thùng + hộp + lót thùng	chiếc	6.986,00	7.912,00
Xốp dính	mét	49.946,00	34.707,00
Xốp dính	chiếc	1.930,00	5.960,00
Xốp dính	cặp	-	865,00
Kẹp nhựa + sắt	chiếc	529.163,00	489.702,00
Sắt X4 mua	kg	-	1.156,00
Lông vũ	kg	-	1.329,00
Dây đan ghế	kg	42.209,00	26.705,80

b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Quy đổi VND	Nguyên tệ	Quy đổi VND
Dollar Mỹ (USD)	204.447,34	4.786.112.230	109,749.59	2.484.730.718
Đồng EURO (EUR)	313,78	7.756.328	313.78	7.967.188

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	68.480.364.849	50.771.142.127
- *Doanh thu gia công hàng may mặc*	*62.698.944.155*	*42.544.945.109*
- *Doanh thu gia công hàng thủ công mỹ nghệ*	*5.781.420.694*	*8.226.197.018*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**68.480.364.849**	**50.771.142.127**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn gia công hàng may mặc	52.500.202.382	36.357.245.043
Giá vốn gia công hàng thủ công mỹ nghệ	4.592.576.190	6.904.286.306
Cộng	**57.092.778.572**	**43.261.531.349**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.166.502	2.430.700
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	282.923.035	234.572.268
Lãi bán cổ phần	1.628.460.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	488.320.445	94.033.878
Cộng	**2.402.869.982**	**331.036.846**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	203.585.065	31.602.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	83.681.189	17.427.326
Cộng	**287.266.254**	**49.029.326**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	9.109.340	13.702.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.951.974.808	1.564.126.911
Chi phí khác	146.116.626	80.252.968
Cộng	**2.107.200.774**	**1.658.081.902**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.544.141.068	3.508.745.108
Chi phí nguyên vật liệu	19.749.341	4.400.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.436.168	119.129.047
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.984.016	320.323.252
Thuế, phí và lệ phí	88.586.349	285.042.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.219.679.068	1.600.803.498
Chi phí khác	811.256.499	717.858.950
Cộng	**6.853.832.509**	**6.556.301.933**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý phế liệu	-	670.862.649
Thu từ xử lý nợ	-	14.723.000
Các khoản thu khác	17.000.001	13.275.000
Cộng	**17.000.001**	**698.860.649**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt truy thu thuế, hành chính	20.417.136	15.519.817
Chi phí khác	-	-
Cộng	**20.417.136**	**15.519.817**

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.538.739.587	260.575.295
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	134.417.136	177.111.070
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	*134.417.136*	*177.111.070*
- *Các khoản điều chỉnh giảm*		
Tổng thu nhập tính thuế	**4.673.156.723**	**437.686.365**

	Năm nay	Năm trước
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN dự tính phải nộp	**934.631.344**	**87.537.273**
Thuế TNDN giảm (30%) trong năm (*)	-	(26.261.182)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**934.631.344**	**61.276.091**

(*) Năm 2021, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/2021/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2021.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.604.108.243	199.299.204
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.521.785.600)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	*(1.521.785.600)*	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.082.322.643	199.299.204
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	392.060	392.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**5.311**	**508**

(*) Trong năm, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 26 tháng 12 năm 2022.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	392.060	392.060
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	**392.060**	**392.060**

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.805.149.928	7.486.059.443
Chi phí nhân công	43.220.052.080	33.012.658.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.386.789.413	1.508.014.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.650.637.594	6.466.947.687
Các chi phí khác	5.073.689.482	3.315.180.323
Cộng	**66.136.318.497**	**51.788.859.536**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm không có phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao HĐQT	192.000.000	152.000.000
Tiền lương, phụ cấp	632.182.445	360.092.603
Cộng	**824.182.445**	**512.092.603**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ bao gồm Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Đồng Tháp - Công ty mẹ.

Trong năm không có phát giao dịch với các bên liên quan khác.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn nợ phải thu, phải trả với bên liên quan khác.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã kiểm toán.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Cao Lãnh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
LẠI THỊ MỸ LINH	LÊ VĂN LÂM	NGUYỄN THÀNH CÔNG